ĐỢT MƯA LŨ LỚN TRÊN CÁC SÔNG MIỀN TRUNG TỪ NGÀY 05 ĐẾN 12 THÁNG X NĂM 1995

KS. Phan Viết Mỹ
Trung tâm quốc gia dự báo KTTV

Từ ngày 05 đến 12 tháng X, các tỉnh miền Trung từ Nghệ An đến Khánh Hòa đều xảy ra mưa lũ; đặc biệt các tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi xảy ra mưa lũ lớn. Riêng tỉnh Quảng Bình xảy ra mưa lũ đặc biệt lớn trên sông Nhật Lệ, đứng thứ 2 sau lũ lịch sử năm 1979.

Đợt mưa lũ này có thể chia làm 2 đợt nhỏ:

– Đợt thứ nhất từ ngày 5 đến 9 tháng X do chịu ảnh hưởng của hội tụ nhiệt đới và không khí lạnh;

– Đợt thứ hai từ ngày 10 đến 12 tháng X do chịu ảnh hưởng của bão số 9 đi dọc theo ven biển miền Trung.

1. Tình hình mưa

1.1. Đợt thứ nhất từ ngày 5 đến 9 tháng X

– Ngày 5, mưa lớn diễn ra bắt đầu ở Nghệ An, Hà Tĩnh, đến ngày 6 mưa lớn diễn ra từ Quảng Trị đến Bình Định và đến ngày 7–9 tháng X diện mưa lớn mở rộng ra từ Hà Tĩnh đến Bình Định. Đặc biệt, khu vực Quảng Bình trong 3 ngày (7–9/X) mưa đặc biệt lớn, tại Đồng Tâm: ngày 7 mưa 259mm, ngày 8 mưa 432mm, ngày 9 mưa 371 mm. Tại Kiến Giang: ngày 7 mưa 132 mm, ngày 8 mưa 245 mm, ngày 9 mưa 255 mm.

– Tổng lượng mưa cả đợt ở Nghệ An trên dưới 100 mm, có nơi gần 200 mm; ở Hà Tĩnh, mưa 300 – 500 mm, có nơi mưa trên 600 mm; ở Quảng Bình từ 400 – 800 mm, có nơi trên 1000 mm. Từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, mưa từ 300 – 500 mm, có nơi trên 500 mm, ở Bình Định mưa từ 100 – 150 mm, ở Phú Yên, Khánh Hòa mưa dưới 100 mm.

– Mưa lớn diễn ra không đều trên các lưu vực sông. Vùng núi mưa lớn hơn ở vùng đồng bằng. Trên lưu vực sông Gianh tại Đồng Tâm mưa 1099 mm, nhưng tại Mai Hóa chỉ mưa có 363 mm. Trên lưu vực sông Nhật Lệ tại Kiến Giang mưa 671 mm, nhưng tại Lệ Thủy mưa 599 mm. Trên lưu vực sông Hương tại Tà Lương mưa 578 mm, nhưng ở Huế mưa 323 mm.

– Thời gian mưa kéo dài 4 – 5 ngày, nhưng mưa lớn chỉ tập trung trong vòng 3 ngày. Cường độ mưa ở một số nơi rất lớn, lượng mưa 6 giờ đo được tại Thạch Hãn 138 mm (1h – 7h/9), tại Đồng Tâm 204 mm (19h/7 – 1h/8), tại Trường Sơn 130 mm (1h – 7h/8).

Lượng mưa ngày lớn nhất đo được tại Đồng Tâm là 432 mm (ngày 8/X), tại Đồng Hới 555 mm (9/X), tại Trường Sơn 317 mm (8/X).

1.2. *Đợt thứ hai từ ngày 10 đến 12 tháng X*

– Do bão đi dọc theo ven biển miền Trung từ nam ra bắc nên mưa cũng di chuyển theo sự di chuyển của bão.

Ngày 10, 11, mưa lớn ở vùng Quảng Ngãi, Quảng Nam – Đà Nẵng (QNĐN); ngày 11, 12, mưa chuyển ra Thừa Thiên – Huế đến Quảng Bình.

– Tổng lượng mưa đợt này nhỏ; vùng Nghệ An mưa dưới 50 mm, Hà Tĩnh từ 50 – 100 mm, Quảng Bình và Quảng Trị; 100 – 150mm, Thừa Thiên – Huế: 100 – 200 mm, có nơi trên 200 mm, từ QNĐN đến Quảng Ngãi: 200 – 400 mm, vùng Bình Định – Phú Yên mưa dưới 30 mm.

– Mưa diễn ra trong 3 ngày 10 – 12/X, nhưng mưa lớn chỉ tập trung trong vòng 2 ngày.

– Cường độ mưa ở một vài nơi tương đối lớn, tại Quãng Ngãi ngày 11/X, trong 2 giờ mưa 140 mm.

– Lượng mưa ngày lớn nhất tại Đà Nẵng là 307 mm (ngày 11/X), tại Câu Lâu 305 mm (11/X).

– Tâm mưa lớn nhất nằm ở vùng QNĐN – Quảng Ngãi. Tổng lượng mưa tại Quảng Ngãi là 309 mm, tại Đà Nẵng là 407 mm.

Bảng 1. Lượng mưa từ ngày 05 đến 12 tháng X năm 1995 (mm)

Trạm \ Ngày	05	06	07	08	09	Σ	10	11	12	Σ
Qùy Châu	26	2	0,3	–	10	38	–	–	–	–
Nghĩa Khánh	26	6	5	–	2	39	–	–	–	–
Khe Bố	10	–	4	–	14	28	–	–	–	–
Cửa Rào	10	–	2	–	–	12	–	–	–	–
Thạch Giám	10	–	1	–	35	46	–	–	–	–
Dừa	49	1	10	11	20	91	–	–	–	–
Đô Lương	71	2	6	5	20	104	–	–	9	9
Nam Đàn	72	2	9	8	43	134	1	1	14	16
Yên Thượng	96	11	12	13	51	183	2	0	12	14
Vinh	2	20	20	27	62	131	25	15	15	55
Quỳnh Lưu	15	2	9	1	1	28	0,5	1	14	16
Sơn Diệm	54	6	20	10	57	147	8	–	10	18
Chu Lễ	86	7	120	217	228	658	–	4	–	>4
Hòa Duyệt	136	6	68	175	240	625	41	13	26	80
Linh Cảm	214	–	28	21	86	349	20	7	15	42
Hà Tĩnh	97	24	240	118	57	576	10	16	32	58
Kỳ Anh	86	30	52	62	54	284	3	31	69	103
Con Cuông	67	–	6	5	22	100	–	–	1	1
Ba Đồn	27	–	123	124	224	498	5	28	44	77
Đồng Hới	9	13	61	232	555	870	0,3	115	12	127
Đồng Tâm	30	>7	259	432	371	1099	27	44	63	134
Mai Hóa	13	>5	74	95	176	>363	12	53	58	123
Lệ Thủy	58	21	44	239	237	599		50	29	79

Trạm \ Ngày	05	06	07	08	09	Σ	10	11	12	Σ
Kiến Giang	8	31	132	245	255	671	–	81	28	109
Trường Sơn	11	23	143	317	107	601	–	–	75	>75
Đông Hà	5	21	28	122	102	278	48	28	69	145
Thạch Hãn	7	40	14	106	150	317	37	12	66	115
Huế	3	98	24	84	115	323	6	154	85	245
Tà Lương	63	320	43	105	47	578	14	59	>53	>126
Thượng Nhật	12	279	32	>17	84	>424	91	98	>40	>229
Đà Nẵng	–	17	14	55	270	356	36	307	64	407
Tam Kỳ	–	168	148	>40	88	>444	35	106	6	147
Trà My	30	201	186	33	29	479	56	116	–	172
Nông Sơn	–	156	185	–	89	430	113	183	>21	317
Phú Ốc	–	80	21	189	211	501	23	51	79	153
Hiệp Đức	–	146	227	44	82	499	49	125	5	179
Thành Mỹ	2	184	147	62	65	460	36	186	42	254
Câu Lâu	–	58	40	69	196	363	38	305	29	372
Ái Nghĩa	2	123	67	57	>78	>327	26	121	26	173
Quảng Ngãi	2	163	61	40	41	307	105	204	–	309
Giá Vực	6	47	>143	>24	>20	>240	58	51	–	109
An Chỉ	–	221	>78	37	79	415	145	131	0	276
Sơn Giang	–	285	>158	77	46	566	81	114	6	201
Trà Khúc	–	157	>37	73	143	410	101	173	4	278
Sông Vệ	1	219	>48	38	98	404	112	100	–	212
An Hòa	–	101	>46	>31	–	>178	62	48	–	110
Quy Nhơn	2	53	18	49	22	144	11	1	–	12
Bình Tường	1	69	>33	48	2	153	4	–	–	4
Vĩnh Sơn	–	41	>31	27	–	99	–	–	–	–
Thạch Hòa	–	63	37	>25	–	125	24	3	–	27
Tuy Hòa	4	17	32	24	–	77	5	1	–	6
Phú Lâm	1	15	19	13	3	51	4	–	4	8
Củng Sơn	1	13	56	25	–	95	1	2	4	7
Hà Bằng	2	88	60	15	16	181	–	1	–	1
Nha Trang	5	5	52	7	2	71	2	6	–	8
Khánh Vinh	–	0	100	6	25	131	3	–	4	7
Phan Rang	–	–	29	1	–	30	–	–	–	–
Đồng Trăng	–	–	30	7	1	38	11	6	1	18
Ninh Hòa	–	–	49	73	–	122	27	3	6	36

2. Tình hình lũ

2.1 *Trận lũ thứ nhất (5-9/X)*

Từ ngày 5 đến 9/X, lũ diễn ra ở hầu hết các sông từ Nghệ An đến Khánh Hòa.

Do một thời gian dài ít mưa nên mực nước các sông khi bắt đầu mưa còn ở mức thấp.

Ngày 5/X, mực nước các sông ở bắc và trung Trung Bộ bắt đầu lên, ngày 6,7, Phú Yên, Khánh Hòa bắt đầu lên.

Do sự di chuyển của mưa nên thời gian xuất hiện đỉnh lũ các sông cũng không đồng bộ và kéo dài từ ngày 7 đến ngày 9/X.

Mực nước đỉnh lũ các sông có lũ lớn như sau:

- Sông Gianh tại Đồng Tâm là 17,06 m, trên mức báo động III là 1,06 m;
- Sông Gianh tại Mai Hóa là 7,09 m, trên mức báo động III là 1,09m;
- Sông Đại Giang tại Kiến Giang là 13,69 m, trên mức báo động III là 0,69m; - Sông Nhật Lệ tại Lệ Thủy là 3,50 m, trên mức báo động III là 1,00 m;
- Sông Thạch Hãn tại Quảng Trị là 5,94 m, trên mức báo động III là 0,44 m;
- Sông Hương tại Huế là 5,61 m, trên mức báo động III là 1,61 m;
- Sông Thu Bồn tại Câu Lâu là 4,32 m, nhỏ hơn mức báo động III là 0,28 m;
- Sông Vu Gia tại Ái Nghĩa là 9,47 m, nhỏ hơn mức báo động III là 0,23 m;
- Sông Trà Khúc tại Trà Khúc là 7,08 m, lớn hơn mức báo động III là 0,58 m;
- Sông Vệ tại sông Vệ là 5,36 m, lớn hơn mức báo động III là 0,36 m;
- Sông Trà Bồng tại Châu Ổ là 7,66 m, nhỏ hơn mức báo động III là 0,34 m;
- Sông Côn tại Tân An là 7,27 m, nhỏ hơn mức báo động III là 0,23 m;

Lũ các sông lên nhanh, biên độ lũ lên lớn, tại các trạm hạ du nhiều sông có biên độ lũ lên trên 3m như Mai Hóa: 7,29 m, Lệ Thủy: 3,23m, Thạch Hãn: 5,73 m, Huế: 4,64 m, Câu Lâu: 3,68 m, Trà Khúc: 4,38 m.

Thời gian lũ lên kéo dài, có nơi đến 4 - 5 ngày, rất bất lợi cho công tác phòng chống lũ của các tỉnh miền Trung.

Đặc biệt, ở Quảng Bình cả 2 sông trong tỉnh đều có lũ lớn. Lũ sông Gianh tại Mai Hóa tương đương với lũ 1992 và đứng thứ 5 sau lũ lịch sử năm 1993 (thấp hơn lũ 1993 là 1,62m). Sông Nhật Lệ tại Lệ Thủy thấp hơn lũ lịch sử năm 1979 là 0,21m, đứng hàng thứ 2 sau lũ năm 1979, sông Hương tại Huế thấp hơn lũ lịch sử năm 1983 là 0,24 m, đứng hàng thứ 2 sau năm 1983.

2.2 *Trận lũ thứ hai (từ 10 đến 12/X)*

Do mưa di chuyển từ nam ra bắc nên ngày 9/X, các sông ở Bình Định, Quảng Ngãi bắt đầu lên, đến ngày 10 và 11 các sông từ QNĐN đến Quảng Bình bắt đầu lên. Do lũ đợt trước chưa rút hết nên chân lũ còn ở mức cao. Đến ngày 11 và 12/X hầu hết các sông lần lượt xuất hiện đỉnh. Mực nước đỉnh lũ trên các sông như sau:

- Sông Thạch Hãn tại Quảng Trị là 4,83m, nhỏ hơn mức báo động III 0,67 m;
- Sông Hương tại Huế là 3,65 m nhỏ hơn báo động III 0,35 m;
- Sông Thu Bồn tại Câu Lâu là 4,19 m trên báo động II 0,19 m;

- Sông Trà Khúc tại Trà Khúc là 6,55 m trên báo động III 0,05 m;
- Sông Vệ tại sông Vệ là 5,88 m trên báo động III 0,88 m;
- Sông Trà Bồng tại Châu Ổ là 8,31 m trên báo động III 0,31 m;
- Sông Côn tại Tân An là 6,68 m lớn hơn báo động II 0,18 m.

Biên độ trận lũ này nhỏ, tại Mai Hóa: 1,41 m, Quảng Trị: 1,17 m, Câu Lâu: 1,27m, Trà Khúc: 1,99m, Sông Vệ: 2,33 m, Châu Ổ: 2,44 m.

Thời gian lũ lên ngắn, từ 1 đến 2 ngày. Tuy đợt lũ này nhỏ, nhưng lũ đợt trước đang ở mức cao, lại có bão nên mức độ chống lũ ở các tỉnh miền Trung trong thời gian này cũng hết sức khẩn trương.

Bảng 2. Đặc trưng trận lũ tháng X – 1995

2.1. Trận lũ từ ngày 4 đến 9 tháng X năm 1995

Trạm	Sông	Chân lũ		Đỉnh lũ		ΔH (cm)	$T_{lên}$ (h)	Cường suất TB (cm/h)	Mức lũ bd (m)
		N G	Hc (cm)	N G	Hd (cm)				
Nam Đàn	Cả	04 13	294	07 16	418	124	75	1,6	<I:1,22
Linh Cảm	La	05 05	46	10 15	457	411	130	3,2	<II:0,43
Đồng Tâm	Gianh	04 19	241	09 17	1706	1465	118	12,4	>III:1,08
Mai Hóa	Gianh	05 07	20	09 18	709	729	107	6,8	>III:1,09
Kiến Giang	Đại Giang	04 13	591	09 11	1369	778	118	6,6	>III:0,69
Lệ Thủy	Nhật Lệ	05 13	27	09 18	350	323	101	3,2	>III:1,00
Quảng Trị	Thạch Hãn	05 07	21	07 10	594	573	51	11,2	>III:0,44
Huế	Hương	05 07	97	06 22	561	464	39	11,8	>III:1,61
Phú Ốc	Sông Bồ	05 19	143	06 23	565	422	28	15,0	>III:0,15
Câu Lâu	Thu Bồn	05 13	64	08 01	432	368	60	6,1	<III:0,28
Ái Nghĩa	Vu Gia	05 07	366	07 13	947	581	54	10,7	<III0,23
Sơn Giang	Trà Khúc	05 19	3589	07 11	4286	697	40	17,4	
Trà Khúc	Trà Khúc	05 07	270	07 17	708	438	58	7,6	>III:0,58
Sông Vệ	Sông Vệ	05 13	216	07 15	536	320	50	6,4	>III:0,36
Châu Ổ	Trà Bồng	05 13	467	06 19	766	299	30	10,0	<III:0,34
Tân An	Côn	05 13	477	08 07	727	250	66	3,8	<III:0,23
Hà Bằng	Kỳ Lộ	05 13	412	08 07	716	304	66	4,6	<I:0,34
Phú Lâm	Đà Rằng	06 07	23	09 13	181	158	78	2,0	<I:0,19
Đồng Trăng	Cái N.Trang	07 07	507	08 03	789	282	20	1,4	<I:0,11
Ninh Hòa	Cái N. Hòa	06 13	252	08 07	417	165	42	3,9	<I:0,17

2.2. Trận lũ từ ngày 10 đến 12 tháng X năm 1995

Trạm	Sông	Chân lũ		Đỉnh lũ		ΔH (cm)	$T_{lên}$ (h)	Cường suất TB (cm/h)	Mức lũ bđ (m)
		N G	Hc (cm)	N G	Hđ (cm)				
Đồng Tâm	Gianh	11 19	578	12 07	658	80	12	6,7	<I:0,42
Mai Hóa	Gianh	11 13	167	12 09	308	141	20	7,1-	>I:0,08
Quảng Trị	Thạch Hãn	11 10	366	12 15	483	117	29	4,0	<III:0,67
Huế	Hương	11 09	291	12 08	365	74	23	3,2	<III:0,35
Phú Ốc	Sông Bồ	11 16	436	12 07	480	44	15	2,9	<III:0,70
Câu Lâu	Thu Bồn	10 07	292	12 06	419	127	47	2,7	>II:0,19
Ái Nghĩa	Vu Gia	11 10	838	12 01	896	58	15	3,9	>II:0,38
Sơn Giang	Trà Khúc	09 23	3789	10 15	4178	389	16	24,3	
Trà Khúc	Trà Khúc	10 07	456	10 21	655	199	14	14,2	>III:0,05
Sông Vệ	Sông Vệ	09 16	355	10 20	588	233	28	8,3	>III:0,88
Tân An	Côn	10 19	587	11 11	668	81	16	5,1	>II:0,18

Chú thích: N–ngày, G–giờ, Hc–mực nước chân lũ, Hđ–mực nước đỉnh lũ, ΔH–biên độ lũ, $T_{lên}$ – thời gian nước lên, bđ – báo động.

3. Tình hình thiệt hại

Theo số liệu đăng trên báo Lao động ngày 19/X/1995, thiệt hại do 2 đợt mưa lũ nói trên là rất lớn.

Tại Quảng Bình:

– 120 xã, phường ngập lụt;

– 8200 ngôi nhà bị ngập trong nước, trong đó 7500 ngôi nhà ngập sâu – 32 người bị lũ cuốn trôi và chết, 12 người bị thương;

– 201 trường học bị ngập lũ, 85 trạm xá bị ngập và hư hỏng nặng;

– 4000 ha lúa bị ngập, 5000 ha hoa mầu bị ngập;

– 1184 con trâu, bò bị trôi, 584 tầu, thuyền đánh cá bị trôi mất;

– Toàn bộ hệ thống giao thông bị tắc nghẽn;

– Các công trình thủy lợi như đê ngăn mặn, kênh mương lấy nước bị sạt lở và hư hỏng nặng.

– Lũ lụt đã cuốn trôi nền đường sắt gần 1200m, sâu có chỗ 7 m, 2000 hành khách đi tầu phải nằm lại trong mưa lũ. Mống, mố cầu ở ga Ngân Sơn bị xói lở, cầu bê-tông Hương Hóa bị trôi. Ước tính ngành đường sắt phải có 1000 m^3 gỗ, 20000 m^3 đá hộc, 1000 m^3 đá dăm mới khắc phục được thiệt hại.

– Hệ thống đường bộ bị ngập nhiều đoạn, 2 phà sông Gianh và Quán Hầu không hoạt động được, 70 xe bị ùn tắc và trên 5000 hành khách phải nằm lại dọc đường trong mưa lũ.

Ở Quảng Trị: trận lũ thứ nhất đã cuốn trôi nhiều người đãi vàng trên sông Daknông: 1 người chết và 11 người mất tích.

Ở Quảng Ngãi: lũ làm ngập 12000 ha lúa và hoa mầu, nhiều đoạn kênh cấp I và kênh chính của công trình thủy lợi Thạch Nham ở Sơn Tịnh, Nghĩa Hành bị sạt lở, chết 14 người.